CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội

Ngày 30/09/2025	19,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-0.5%**	**58.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 25,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	514
Số lượng CPLH (CP)	27,026,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.60
EPS	580
P/E	32.8

DT thuần
Q3/25
37.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.7| 113%
YoY: ▲ 17.0| 84.2%

LN thuần
Q3/25
1.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -0.3%
YoY: ▼2.80| -61.7%

LN sau thuế
Q3/25
1.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.75| -42.2%
YoY: ▼2.67| -72.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.2%
YoY: +/-▼ 9.4%

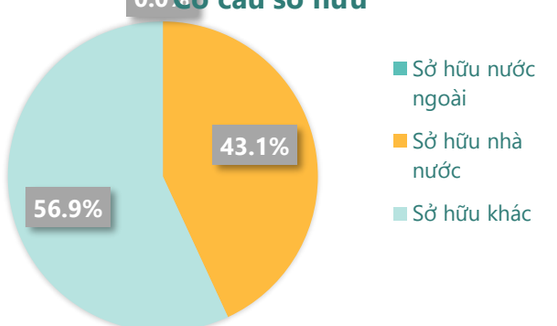
ROE (TTM)
Q3/25
2.9%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
9T 2025
72.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.7| -28.9%

LN thuần
9T 2025
5.33
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.17| -63.2%

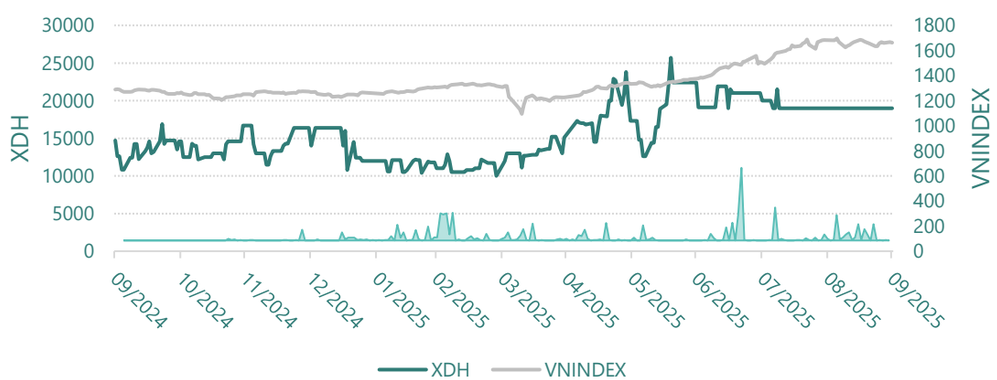
LN sau thuế
9T 2025
5.37
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.13| -48.8%

Cơ cấu sở hữu

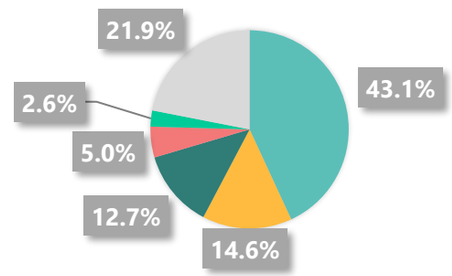


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

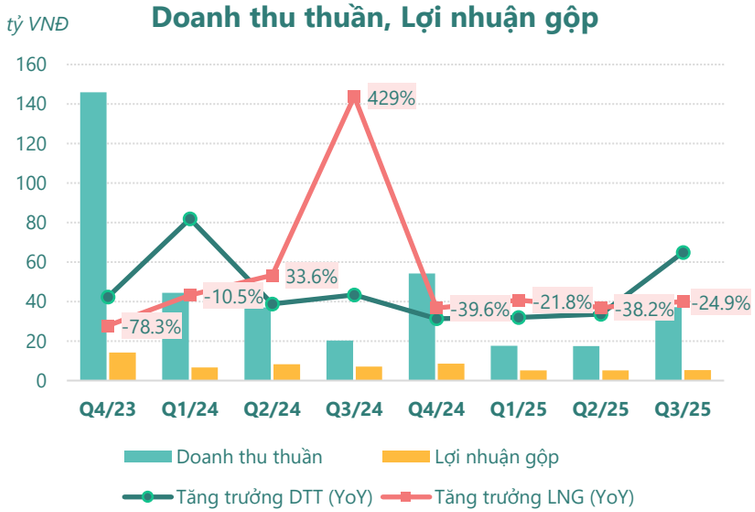


- Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV
- Phương Kim Thảo (Thành viên HĐQT)
- Trần Hồng Tâm (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Hồng
- Đoàn Trịnh Linh (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

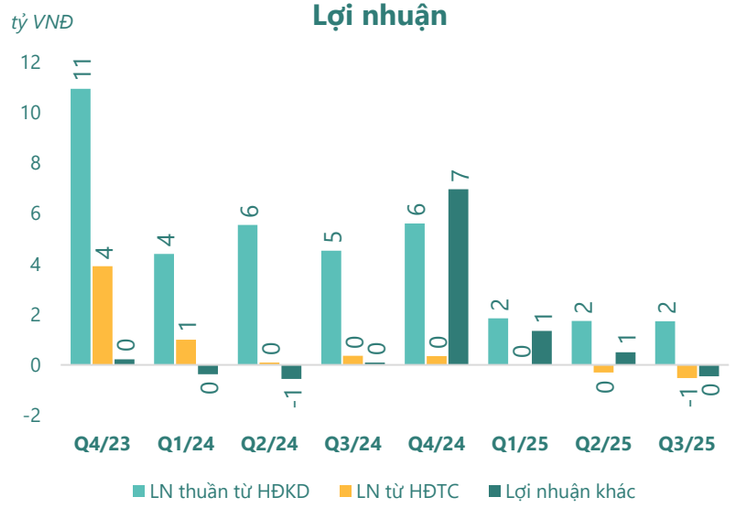
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



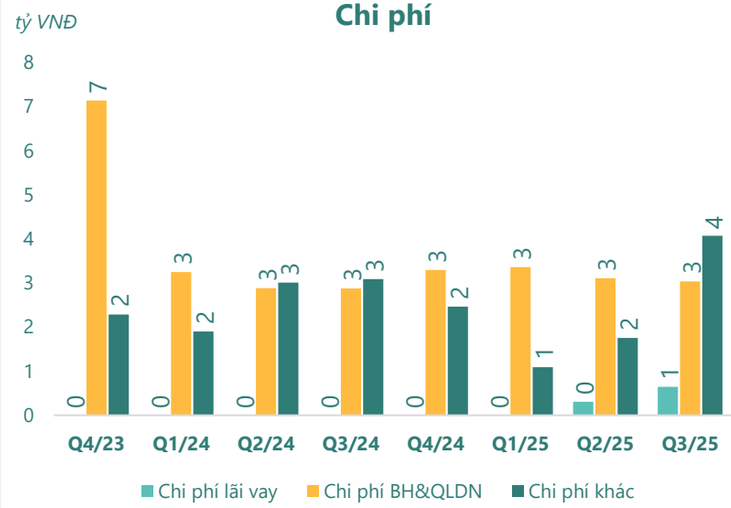
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



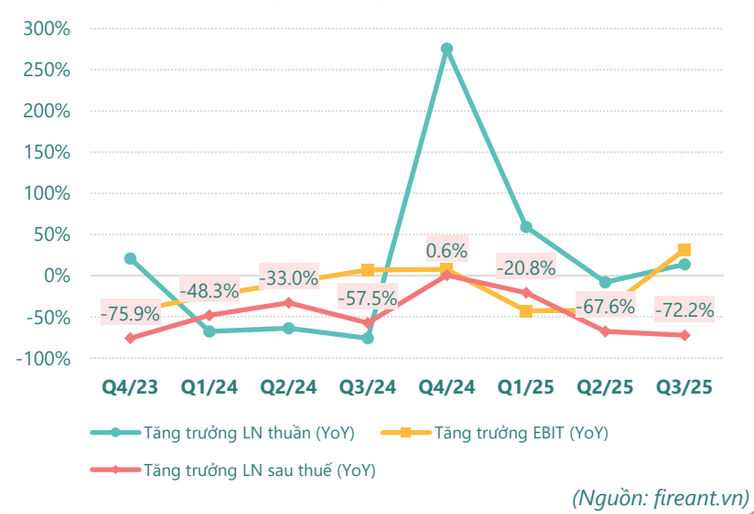
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



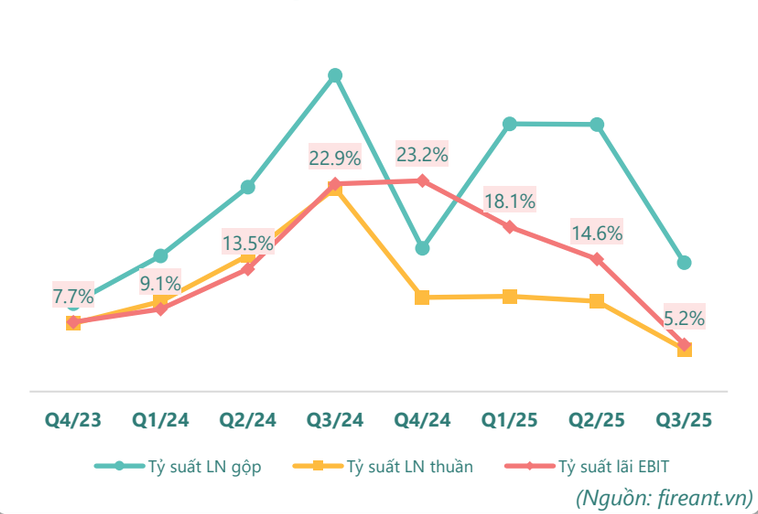
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



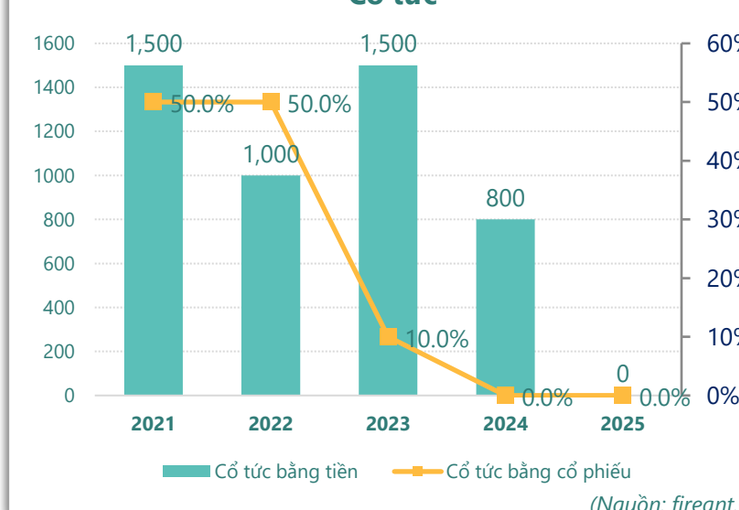
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

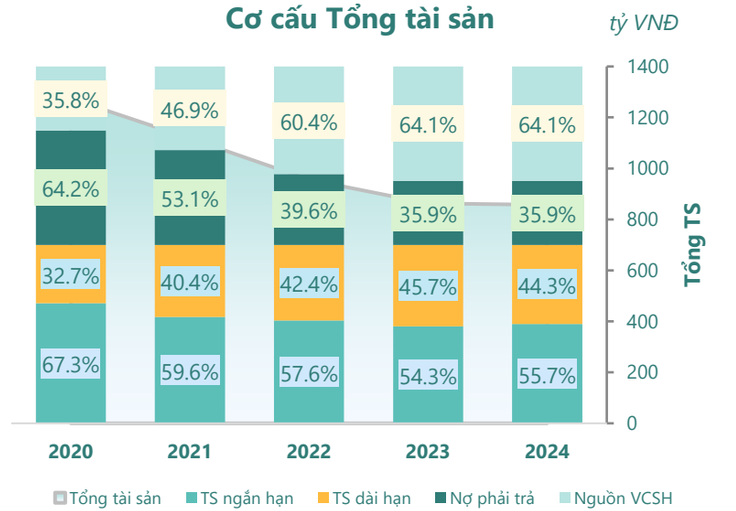
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

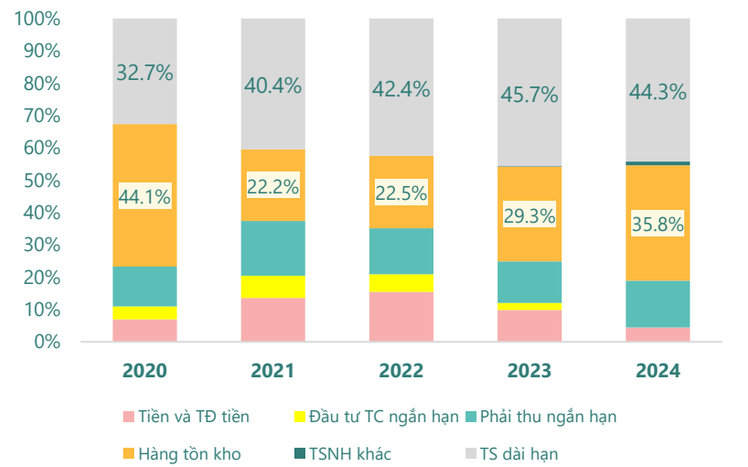
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



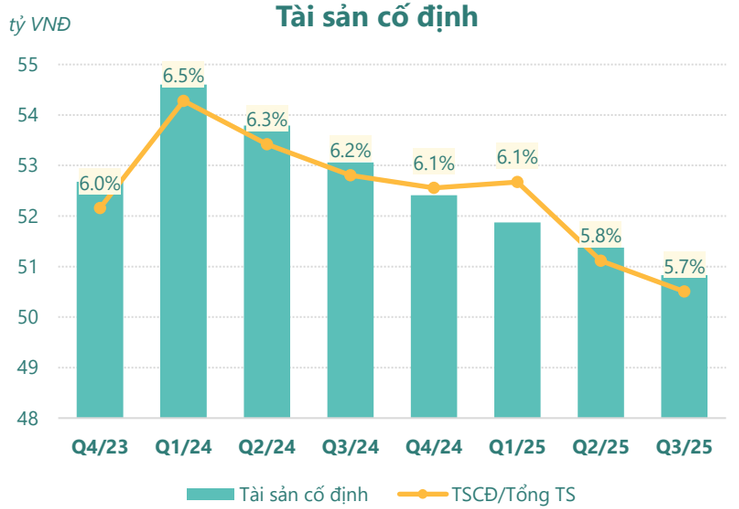
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



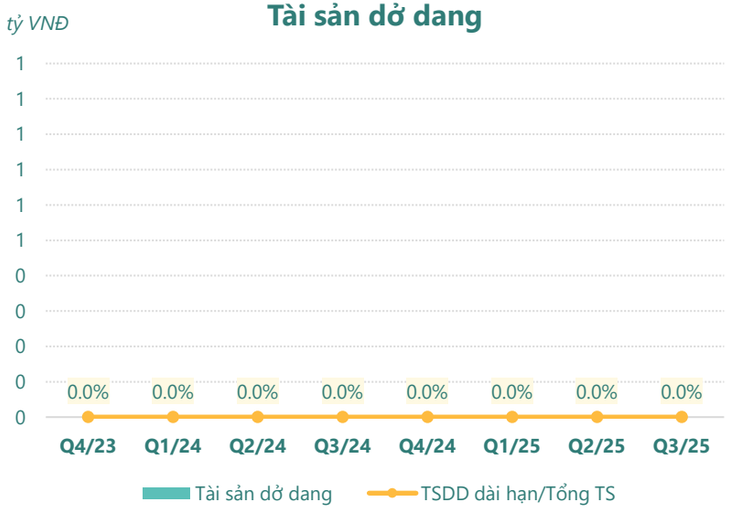
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



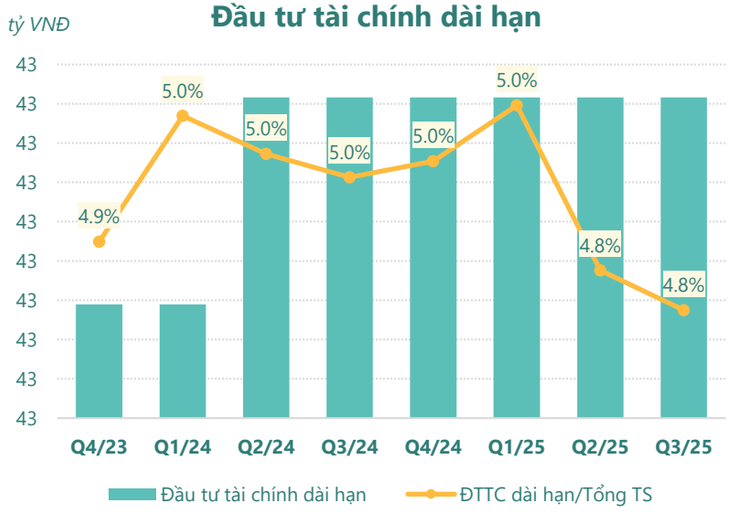
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



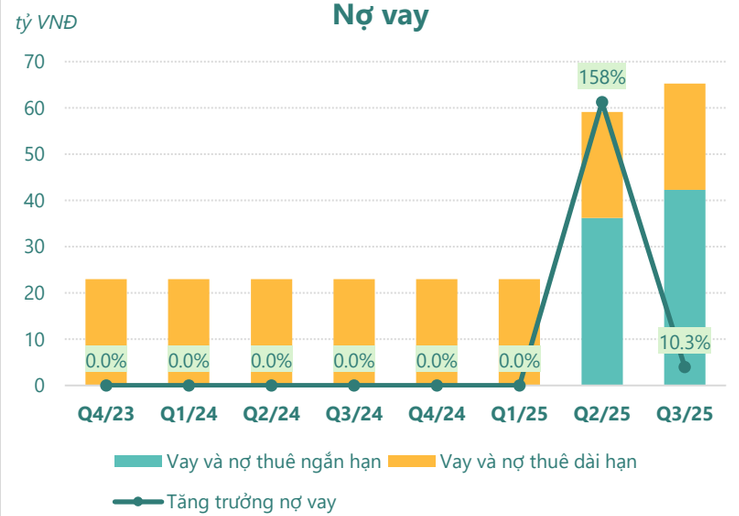
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

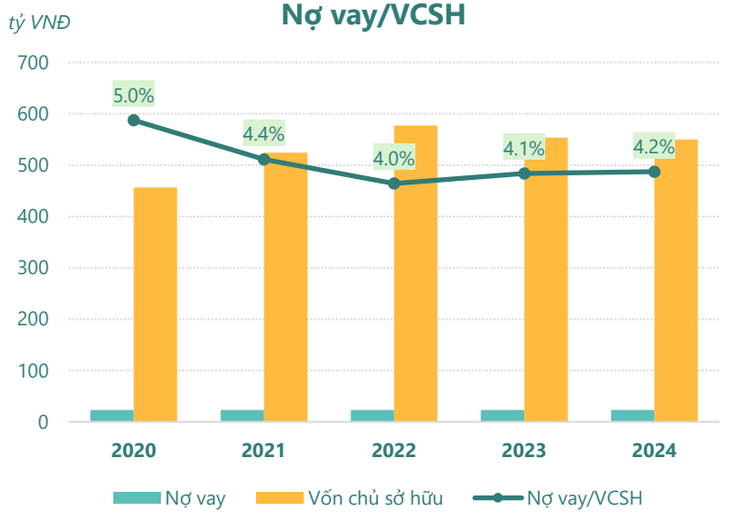
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

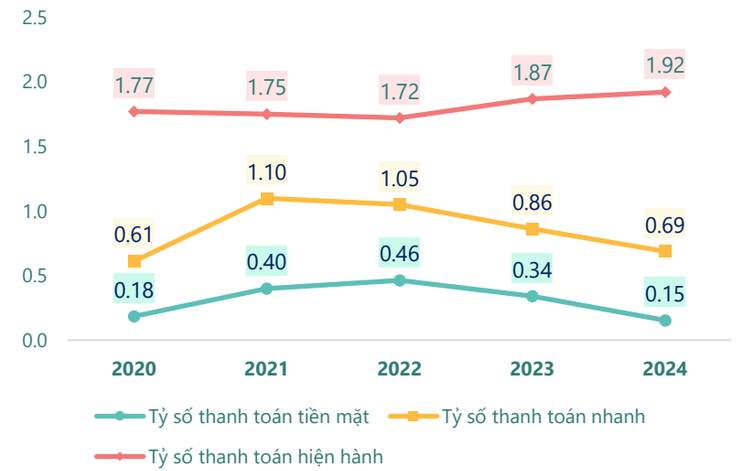
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



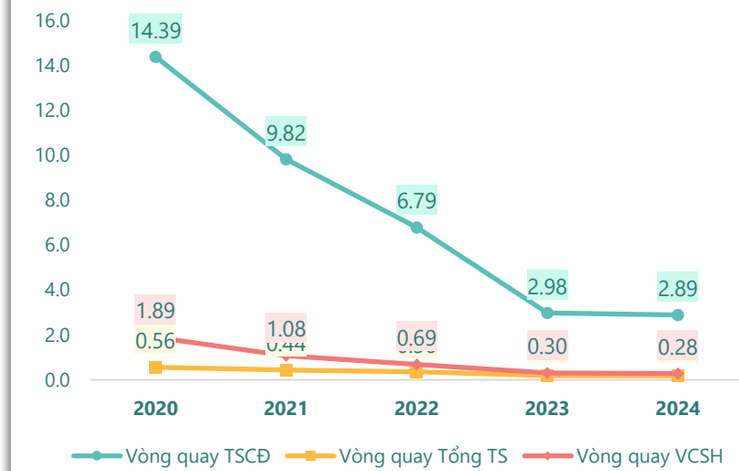
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



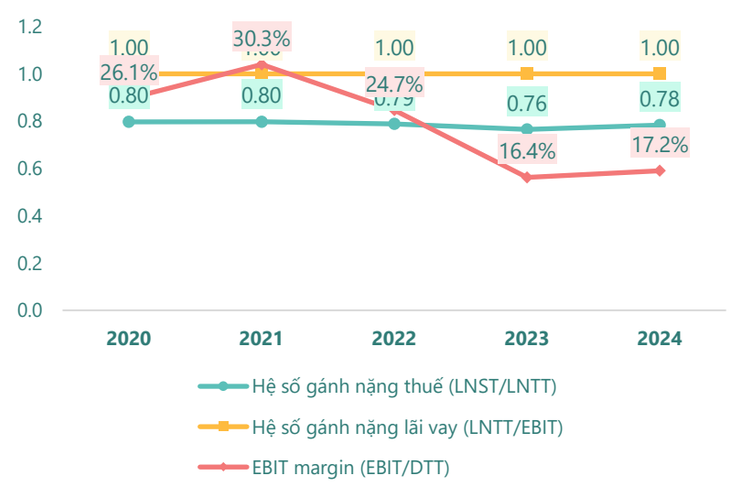
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



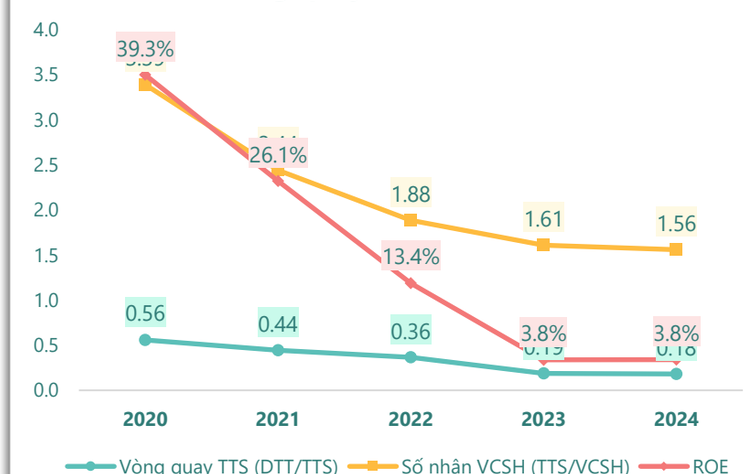
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



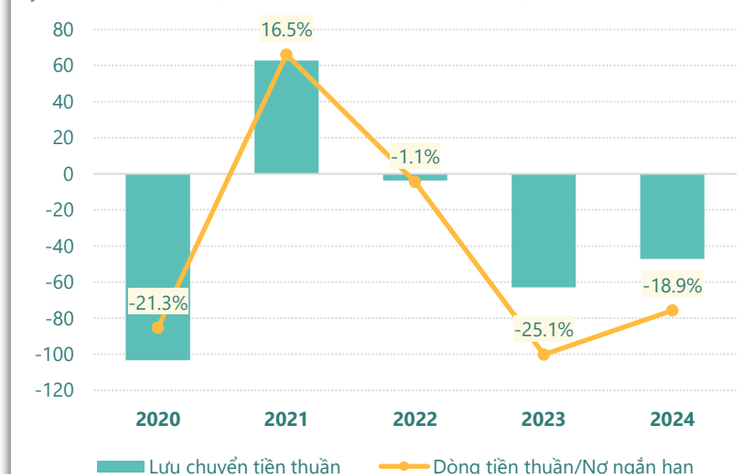
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37.2**	**20.2**	**84.2%**	**72.3**	**102**	**-28.9%**
Giá vốn hàng bán	31.9	13.2	142%	56.7	79.7	-28.8%
Lợi nhuận gộp	5.29	7.05	-24.9%	15.7	22.0	-29.0%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.36	-65.7%	0.13	1.45	-91.0%
Chi phí TC	0.64	0.00		0.95	0	
Chi phí lãi vay	0.64	0.00		0.95	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.04**	**2.88**	**5.4%**	**9.50**	**9.01**	**5.5%**
LN thuần từ HĐKD	1.73	4.53	-61.7%	5.33	14.5	-63.2%
Lợi nhuận khác	**-0.45**	**0.10**	**-547%**	**1.41**	**-0.83**	**269%**
LN trước thuế	1.29	4.63	-72.2%	6.73	13.7	-50.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1.03**	**3.70**	**-72.2%**	**5.37**	**10.5**	**-48.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.03**	**3.70**	**-72.2%**	**5.37**	**10.5**	**-48.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.2	-6.43	-5.20	-31.8	-28.5	-8.36
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.90	0.03	0.27	0.00	1.17	0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-21.0	0	36.2	6.11
Tiền đầu kỳ	51.4	70.5	64.1	38.2	6.35	-6.35
Lưu chuyển tiền thuần	**19.1**	**-6.40**	**-25.9**	**-31.8**	**8.82**	**-2.05**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	70.5	64.1	38.2	6.35	15.2	-8.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**892**	**858**	**4.0%**
Tài sản ngắn hạn	523	478	9.4%
Tiền và tương đương tiền	13.1	38.2	-65.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	105	124	-15.2%
Hàng tồn kho	392	307	28.0%
Tài sản ngắn hạn khác	12.5	9.38	33.4%
Tài sản dài hạn	**369**	**380**	**-2.9%**
Phải thu dài hạn	41.2	41.5	-0.8%
Tài sản cố định	50.8	52.4	-3.0%
Bất động sản đầu tư	233	242	-3.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	42.7	42.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.97**	**1.17**	**-17.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	358	307	16.3%
Nợ ngắn hạn	**280**	**249**	**12.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.3	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	39.6	56.7	-30.1%
Nợ dài hạn	77.9	58.8	32.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.0	23.0	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**534**	**550**	**-3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**534**	**550**	**-3.0%**
Vốn điều lệ	270	270	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)